TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**109/**2019/HS-ST
Ngày 26/04/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thanh Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Phạm Thị Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lương Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/HS-ST ngày 04/03/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXX-ST ngày 18/03/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QDDHPT ngày 29/03/2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị V (tên gọi khác: không), sinh năm: 1990 tại tỉnh Thái Nguyên; HKTT: Tổ 34 phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở trước khi bị bắt: Đường N, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Phạm Huy Th và bà Nguyễn Thị V; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 19/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Anh Nguyễn Bảo P, sinh năm 1995

HKTT: Tổ 59 phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị H, sinh năm 1955

Trú tại: Số 2 ngách 33 ngõ 1, phố K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người làm chứng: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1989

Trú tại: Số 2 ngách 33 ngõ 1, phố K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị V và anh Nguyễn Duy T (sinh năm : 1989 ; HKTT : Tổ 9 phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên ; chỗ ở: số 2 ngách 33, ngõ 1 phố K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội) là bạn quen biết với nhau ngoài xã hội. Khoảng tháng 9/2017, V vay anh T số tiền 50.000.000đồng. Tháng 02/2018, V chuyển về ở trọ tại phòng 1732, chung cư HH1C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cùng anh Nguyễn Bảo P (sinh năm : 1995; HKTT : Tổ 59 phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái). Ngày 12/02/2018, anh P về quê ăn tết nên cho V mượn chiếc xe máy nhãn hiệu PIAGIO ZIP màu trắng, BKS: 29B1 - 634.33, số máy: M253M4009116, số khung: 5310FV109582 để đi lại.

Ngày 15/02/2018, anh T gọi V sang nhà để nói chuyện. V đi xe máy của anh P đến nhà T. T nói trước đây có vay tiền của những người làm cầm đồ, nên họ đến nhà để đòi nợ, V vào nói với mẹ T là bà Dương Thị H (sinh năm: 1955; trú tại số 2 ngách 33 ngõ 1, phố K, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội), số tiền T vay cầm đồ có cả tiền T cho V vay để mẹ T không chửi T.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Thị V khai khi đến nhà bà H, V có nói chuyện với bà H và bảo sẽ thu xếp trả tiền cho T. Sau đó, T bảo V ngồi đợi tại phòng khách tầng 2, còn T và bà H xuống nhà nói chuyện riêng. Khoảng 10 phút sau, T lên nói với V nhờ mẹ đi vay tiền hộ và bảo V đưa chìa khóa xe máy để bà H đi. Khoảng 1 tiếng sau, bà H đi người không về. V có hỏi xe máy đâu, nhưng bà H nói do gần tết nên phải để xe lại thì người ta mới cho vay tiền. V có bảo đó không phải là xe của V, nhưng vì V vẫn còn vay tiền của anh T và nghĩ qua mấy ngày sẽ lo được tiền để lấy xe ra cho anh P, nên đã đồng ý để bà H cầm cố xe để lấy tiền. V nghe T nói cầm cố xe vay được 20.000.000 đồng. Sau đó, bà H bảo V phải viết giấy vay nợ bà số tiền 20.000.000đồng. Ngày 23/02/2018, anh P xuống Hà Nội và hỏi V về chiếc xe, nhưng do chưa có tiền nên V chưa lấy xe ra được cho anh P. Sau nhiều ngày đòi xe, V vẫn không trả. Sau đó, V không liên lạc với anh P và vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên anh P đã trình báo cơ quan công an.

Bà Dương Thị H và anh Nguyễn Duy T khai: Ngày 15/02/2018, V đến gặp anh T để vay tiền, nhưng T nói với V về nhà vay tiền mẹ T là bà H. Sau đó, V có vay của bà H số tiền 20.000.000đồng và để lại chiếc xe máy nhãn hiệu PIAGIO ZIP màu trắng, BKS: 29B1 - 634.33 để làm tin. Việc V vay tiền có viết giấy vay nợ, không ai

bắt ép gì. Bà Dương Thị H và anh Nguyễn Duy T đều từ chối việc đối chất với Phạm Thị V, nên cơ quan Cảnh sát điều tra - công an quận Hoàng Mai không xử lý đối với bà Dương Thị H và anh Nguyễn Duy T. Bà Dương Thị H có yêu cầu V trả lại số tiền 20 triệu đồng vay của bà.

Ngày 26/3/2018, bà Dương Thị H đã giao nộp chiếc xe máy nhãn hiệu PIAGIO ZIP màu trắng, BKS: 29B1 - 634.33.

Ngày 15/02/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra - công an quận Hoàng Mai đã trả chiếc xe máy PIAGIO ZIP màu trắng, BKS: 29B1 - 634.33 cho anh Nguyễn Bảo P. Anh P đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/HĐĐG ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận Hoàng Mai kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu PIAGIO ZIP màu trắng, BKS: 29B1 - 634.33, số máy: M253M4009116, số khung: 5310FV109582 có giá trị là: 20.650.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Thị V không có mặt ở địa phương, nên ngày 09/11/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra - công an quận Hoàng Mai đã ra quyết định truy nã đối với Phạm Thị V.

Ngày 19/12/2018, Phạm Thị V bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại bản cáo trạng số **80**/CT-VKSHM ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố Phạm Thị V về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điều 38; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 05 đến 07 tháng tù.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về phần dân sự do người bị hại không có yêu cầu nên không xét.

Bà Dương Thị H có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên buộc bị cáo phải thanh toán cho bà H số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị V khai nhận bị cáo đã có hành vi mượn chiếc xe máy PIAGIO Zip màu trắng BKS: 29B1 - 634.33 của anh Nguyễn Bảo P, sau đó đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của bà H dẫn tới không lấy được xe để trả cho anh P, sau đó đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo chấp nhận yêu cầu thanh toán số tiền 20 triệu đồng cho bà Dương Thị H.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đãđược tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 12/02/2018 do có quan hệ quen biết là bạn cùng phòng thuê tại căn hộ 1732, chung cư HH1C Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Phạm Thị V đã mượn chiếc xe máy PIAGIO Zip màu trắng BKS: 29B1 - 634.33 của anh Nguyễn Bảo P để làm phương tiện đi lại. Do thiếu nợ nên Phạm Thị V đã cầm cố chiếc xe máy trên cho bà Dương Thị H để vay số tiền 20.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh và bị bắt truy nã. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trị an xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được hành vi sai trái của mình, mặc dù hành vi không chủ động nhưng đã để mặc cho hậu quả xảy ra, sau đó bỏ trốn, không trả lại được tài sản cho người bị hại. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù giam nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục, răn đe, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Người bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, tính chất hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, việc thực hiện hành vi phạm tội có tính thụ động, để mặc cho hậu quả xảy ra. Về hành vi bỏ trốn của bị cáo xét về ý chí quyết liệt cũng có mức độ, phần lớn là do

thiếu hiểu biết pháp luật, suy nghĩ giản đơn, thể hiện ở việc mặc dù bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị cáo không lẩn trốn, xóa tung tích mà còn xin việc và được nhận vào làm tại Ngân hàng. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi vi phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xử phạt bị cáo hình phạt tù giam nhưng dưới mức khởi điểm, bằng thời gian tạm giam của bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, nên miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Người bị hại không có yêu cầu nên Tòa không xét.

Bị cáo phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho bà Dương Thị H.

[7] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 175; điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

***Xử phạt : Phạm Thị Vân 04 (bốn) tháng 07 (bảy) ngày tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2018.**

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền bị cáo.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

*Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Thị H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì được người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 3/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Hoàng Mai, Hà Nội;
- Công an Q. Hoàng Mai, Hà Nội;
- Thi hành án Q. Hoàng Mai, Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Tú